



## VÀI NÉT VỀ VAI TRÒ CỦA HOẠN QUAN TRONG NGOẠI THƯƠNG THẾ KỶ XVII

Hasuda Takashi\*

### Mở đầu

Tháng 4, Vĩnh Hựu năm thứ 5 (1739), chúa Trịnh Giang thiết lập ban Giám 監班, là một tổ chức của hoạn quan. Sự kiện này cho thấy hoạn quan chiếm vị trí chính thức với Văn thân (ban Văn) và Vũ thân (ban Vũ). Theo quan niệm Nho giáo, hoạn quan không bao giờ được coi là con người mà là một tồn tại kém hơn bình dân và kẻ vô hiếu. Nếu hoạn quan nắm quyền hành và đóng vai trò quan trọng thì đó bị coi là một kết quả thối nát của triều đình<sup>1</sup>. Mặc dù ban Giám bị thủ tiêu năm sau nhưng sự thiết lập này là một sự kiện rất đặc biệt từ góc độ quan niệm Nho giáo nói riêng, hệ tư tưởng Đông Á nói chung.

Khoảng một trăm năm trước sự kiện này, Francois Jacobsen Visscher, một lái thương người Hà Lan báo cáo rằng: “Nước này (Đàng Ngoài) hầu hết được cai trị bằng hoạn quan”<sup>2</sup>, tháng Giêng năm 1533, tức một trăm năm trước đây, khi nhà Lê được trung hưng lại tại nước Lào, một hoạn quan là Đinh Công chiếm vị trí cao trong triều đình, mang quan tước Thiếu úy Hưng quốc công bằng với những con cháu công thần khai quốc như Nguyễn Kim<sup>3</sup>. Đây có nghĩa là hoạn quan có căn cứ vững bền ở trong chính phủ.

Vậy hoạn quan chiếm vị trí và vai trò cụ thể như thế nào? Nghiên cứu chính trị thời Lê Trung hưng chưa được tiến hành sâu. Mặc dù những công trình nghiên cứu trước đây nhận định rằng hoạn quan đóng vai trò quan trọng trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là ở ngoại thương, nhưng chưa được thành công cho vị trí và vai trò của họ trong cấu trúc chính quyền.

\* Trung tâm Nghiên cứu Đông Nam Á, Đại học Tổng hợp Kyoto, Nhật Bản.

Trong lịch sử Việt Nam, thế kỷ XVII là một thời kỳ nổi tiếng ngoại thương sầm uất. Đặc biệt là sự phồn vinh của Phố Hiến<sup>4</sup>. Song, nguồn sử liệu Việt Nam không có nhiều thông tin về mậu dịch bằng đường biển nói chung. Cho nên, những công trình trước kia<sup>5</sup> chủ yếu dựa vào sử liệu nước ngoài, đặc biệt là sử liệu phương Tây. Việc nghiên cứu ngoại thương đối với Nhật Bản cũng mang tính chất đó, hơn nữa là thiếu khảo sát từ góc độ lịch sử Việt Nam vì hầu hết các công trình nghiên cứu đó [như Iwao năm 1966, 1972; Nagazumi năm 1992 v.v...] là nghiên cứu từ góc độ lịch sử Nhật Bản. Song những công trình nghiên cứu sử dụng sử liệu phương Tây dưới đây cho rằng hoạn quan đóng vai trò quan trọng trong ngoại thương Việt Nam, nhưng ít quan tâm đến bản thân những hoạn quan và chưa có liên hệ đầy đủ với nghiên cứu chính trị. Hơn nữa, nguồn sử liệu phương Tây có những hạn chế, nhất là liên quan đến các nhân vật.

Ở Nhật Bản, chỉ ông Wada Masahiko đã khảo sát và giới thiệu hoạt động cụ thể của các hoạn quan từ Cổ đại đến đầu nhà Nguyễn qua các chính sử Việt Nam [như công trình của Wada các năm 1976, 1977, 1978]. Giai đoạn ông Wada, nhà sử học phải dựa hoàn toàn vào chính sử. Hiện nay chúng ta thu được nguồn tài liệu nhiều hơn vì sự biến đổi tình hình sử liệu trong hai mươi năm nay, nên có thể cho phép tiến hành được sâu hơn. Bài viết này bắt đầu giới thiệu và đối chiếu những sử liệu nước ngoài và trong nước về một hoạn quan – Văn Lý hầu 文理侯, sau đó khảo sát thêm hành trạng hoặc vị trí của các hoạn quan trong lịch sử chính trị nhà Lê Trung hưng thế kỷ XVII.

## 1. Ngoại thương và hoạn quan: trường hợp Văn Lý hầu

Văn Lý hầu là một nhân vật lịch sử đặc biệt vì thông tin về ông được tìm thấy từ các sử liệu Nhật Bản, Triều Tiên và Việt Nam. Những nhà nghiên cứu Nhật Bản đã từng khảo sát Văn Lý hầu trên sử liệu Nhật Bản. Theo đó, Văn Lý hầu kết hợp hữu nghị với một Suminokura, một thương gia lớn và nổi tiếng ở Nhật Bản. Sử liệu sớm nhất về Văn Lý hầu là Trần thức tài thư 陳職裁書 (bức thư của Trần<sup>6</sup>) có niên đại ngày 26 tháng 3 Hoàng Định năm thứ 6 (1605). Ông Trần là một quan viên có tước Nghĩa Lương nam 義良男 và làm việc cho Văn Lý hầu. Theo bức thư này, Văn Lý hầu xác nhận lại quan hệ với ông Suminokura và cho phép mậu dịch ở Nghệ An. Dựa vào bức thư này GS. Hayashiya nhận định, Văn Lý hầu là người phụ trách ngoại thương ở Nghệ An<sup>7</sup>. Bảng 1 là danh mục của quan viên bên Việt Nam trong những bức thư ngoại thương và ngoại giao giữa Nhật Bản và Việt Nam được giữ gìn tại Nhật Bản<sup>8</sup>. Ở tài liệu số 4 “An Nam quốc Văn Lý hầu đạt thư 「安南国文理侯 達書」”, Văn Lý hầu cứu giúp tàu đắm của Suminokura với Thư quận công (Nguyễn Cảnh Kiến) và Phò mã Quang Phú hầu<sup>9</sup>.

An Nam quốc Nghệ An xứ Tổng thái giám Chương giám sự Văn Lý hầu gửi thư cho Sozaemon, tức em trai hạm trưởng và (họ tên của mười sáu người theo

sau). Tổng số bị đả là 105 người. Vì Quan viên ở bản xứ (Nghệ An) Đại đô đường Hữu phủ Thư công, Văn Lý hầu và Phò mã quan Quảng Phú hầu đều thường muốn ban chia công đức, nên thương xót tình trạng đói ăn ở nước ngoài xa xôi đóng góp tiền và cứu giúp để đi lên kinh đô gặp vua chúa và trình bày tình trạng của mình. Đức công của Chúa to lớn cho lương thực và quần áo thì thật là hạnh phúc. Vì vậy Đại đô đường Thư công và các quan viên đóng tàu và cho phép về nước, để thoả mãn tính công đức đầu tiên. Nay gửi thư và cho phép về nước Nhật Bản. Ngày tháng hai, Hoàng Định năm thứ mười một.

Sử liệu cuối cùng có tên Văn Lý hầu là bức thư của Suminokura Haruyuki 角倉玄之 (tên khác là Hồi dịch đại sứ ty Trinh thuận Tử Nguyên 回易大使司貞順子元) ngày mồng 3, tháng Giêng, Khánh Trường năm thứ 17 (1612) (số 5 của bảng 1) nên Văn Lý hầu trú xứ Nghệ An và phụ trách ngoại thương đối với Nhật Bản ít nhất khoảng năm 1605 – 1612. Về quan chức của Văn Lý hầu trong các sử liệu Nhật Bản (xem bảng 1) khá tương tự nhưng không ghi tên riêng.

Văn Lý hầu cũng xuất hiện trong sử liệu Triều Tiên. Đó là ghi chép của một người có tên Triệu Hoàn Bích 趙完璧, vốn là một tù nhân Triều Tiên khi Toyotomi Hideyoshi xâm lược nước này. Người này đã ba lần sang Việt Nam bằng Châu Ấn thuyền đầu thế kỷ XVII. Trong này nói rằng:

Nước An Nam cách Nhật ba vạn bảy thiên lý đường biển. Khởi từ Satsuma qua Chương Châu và Quảng Đông của Trung Quốc rồi đến huyện Hưng Nguyên (Nghệ An). Huyện này cách tám mươi lý từ kinh đô, Đông Kinh là thủ đô. Nước này bị chia hai nước, một là An Nam quốc còn một là Giao Chỉ quốc, hai bên chiến tranh chưa kết thúc.

(Ở huyện Hưng Nguyên) có một ông Văn Lý hầu Trịnh Tiểu 鄭勦 tám mươi tuổi. Nhà cửa của ông rất rực rỡ... Một ngày, Triệu Hoàn Bích đến thăm nhà ông vì ông ấy mời, mấy chục quan liêu cao cấp ăn uống. Họ rất là hiếu khách và mời ăn uống vì Triệu Hoàn Bích là người Triều Tiên... (Văn Lý hầu) lấy một cuốn sách và nói rằng: “Đây là thơ của Lý Chi Phong 李芝峯 người nước anh”. Chi Phong tức là hiệu của Lý Toái Quang. Thơ này, Lý Toái Quang gửi đến sứ thần (của Việt Nam) năm Đinh Dậu (1597) khi Lý Toái Quang đi sứ Trung Quốc<sup>10</sup>.

Văn Lý hầu ở đây tên là Trịnh Tiểu, khá già, rất giàu và có uy tín. Người giao lưu với Lý Toái Quang là Phùng Khắc Khoan, danh nhân nổi tiếng từ cuối thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XVII. Phùng Khắc Khoan đi sứ Bắc Kinh năm 1597 (lần đầu tiên sau khi nhà Lê thu phục Thăng Long), ông đã giao lưu với Lý Toái Quang và gửi thơ cho nhau. Lý Toái Quang hỏi chuyện Phùng Khắc Khoan để thu thông tin về Việt Nam<sup>11</sup>.

Một nhân vật quan trọng đến như vậy mà lại hoàn toàn không thấy xuất hiện trong các sử sách Việt Nam như *Đại Việt sử ký toàn thư*. Ở đây, tôi muốn đề cập

đến tám bia Văn Lý hầu Trần công bi 文理侯陳公碑 (sau này gọi tắt Trần công bi). Thác bản của văn bia này đang được lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm (ký hiệu lưu trữ: 19037). Vẫn còn chưa sáng tỏ về hiện trạng của văn bia, nhưng đó là văn bia ở nhà thờ họ Trần thuộc xã Nguyệt Âu, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh<sup>12</sup>. Bia một mặt, cỡ 57 x 25cm có 22 dòng và được lập năm Hoàng Định thứ 7 (1606).

Từ đầu đến dòng thứ mười ghi lý lịch và tính tình của Văn Lý hầu. Từ dòng thứ mười ba đến thứ mười lăm là danh mục ruộng gửi cho hai ngôi chùa và sáu thôn. Sau dòng thứ mười lăm gồm những câu và minh văn khen ngợi Văn Lý hầu. Bia này ghi rõ họ của Văn Lý hầu là Trần, tên là Tịnh 姓陳名靖, chữ Tịnh được bìa và biển khắc ngược lại<sup>13</sup>.

“Thánh chủ khởi ở vùng phía Tây 聖主興于西土” (đầu dòng thứ tư) chắc chắn là sự phục hồi nhà Lê ở Ai Lao cuối năm 1532. Trần Tịnh tham gia trung hưng nhà Lê và tiến thân. Chính Trị năm thứ 6 (1563), ông ấy được trao chức Chương bạ tước Văn Lý tử và làm việc tại cung đình 正治六年、祇受掌簿・文理子。出囚 禁闔、在 (dòng thứ năm). Điều này phù hợp với ghi chép của TT-A4: làm lên chức và tước của các giám ty, hộ vệ và nội ngoại quan viên theo tấu loại của Trịnh Kiểm<sup>14</sup>. Sau đó, Trần Tịnh được thăng cấp Phụng ngự Thừa chế, Tham tri Văn Lý bá đến Tổng thái giám Chương cung môn thừa chế Văn Lý hầu. Mặc dù chúng ta chưa tìm thấy sử liệu quan chế đầu thế kỷ XVII nhưng các quan chức Trần Tịnh thông qua hầu hết phù hợp với Duyệt tuyển thể thức lệnh 閱選体式令 được ban hành năm Vĩnh Thọ nguyên niên (1658) (xem bảng 2). Các quan chức của Trần Tịnh đều được tìm ra trong bảng 2, hơn nữa những từ Nội giám 內監 và Nội phủ 內府 cũng chỉ rõ Văn Lý hầu Trần Tịnh là một hoạn quan cao cấp.

Đến nay, tôi giới thiệu nguồn sử liệu về Văn Lý hầu của ba nước. Các thông tin về chức tước, niên đại và địa danh đều tương tự hoặc bổ sung cho nhau. Chỉ về họ tên khác nhau giữa sử liệu Việt Nam và Triều Tiên. Ghi chép Văn Lý hầu có tập thơ của Lý Toái Quang là điểm đáng chú ý. Còn soạn giả của Văn Lý hầu Trần công bi là Phùng Khắc Khoan, chính là người giao lưu với Lý Toái Quang tại Bắc Kinh. Chữ “tiểu 勦” trong Tuyển Triệu Hoàn Bích nghĩa rất xấu không được đặt tên người, nên tôi nghĩ rằng chắc có sai lầm. Vì thế mà chúng ta cần khẳng định Văn Lý hầu được chép trong sử liệu ba nước là cùng một nhân vật.

## 2. Hoạn quan và chính quyền chúa Trịnh

Ở mục 1, chúng ta biết được cụ thể hơn về Văn Lý hầu. Ông ấy là một hoạn quan cao cấp trú xứ Nghệ An để phát triển ngoại thương, còn có mối quan hệ với văn thân trung ương như Phùng Khắc Khoan. Tổng số ruộng đất để cho hai chùa và sáu thôn trong Trần công bi là 55 mẫu. So với sự lệ ở Kinh Bắc mà tác giả

Phạm Thị Thuỳ Vinh sưu tập thì không thấy được sự lệ nhiều hơn<sup>15</sup>. Việc tham dự ngoại thương chắc chắn đóng vai trò quan trọng để sưu tập ruộng đất.

Một ví dụ khác liên hệ giữa quyền lực chính trị và ngoại thương là Ongsjatule (Onghjatulee, Ongiatula) trong sử liệu Hà Lan. Ông có liên hệ với Wada Rizaemon 和田理左衛門, một thương gia giàu người Nhật thu lợi ích to lớn để nắm mậu dịch tơ lụa. Ongsjatule nghĩa là Ông già Tư Lễ. Tên thật của ông là Hoàng Nhân Dũng 黄仁勇, người tin cậy của chúa Trịnh Tráng đến mức được ban quốc tính là Trịnh Lãm 鄭欖, sau đó bị giết vì có âm mưu phản nghịch<sup>16</sup>. Nay tôi xin được giới thiệu một đạo sắc để bổ nhiệm có niên đại Phúc Thái năm thứ 5 (1647)<sup>17</sup>.

[01]勅特進金紫榮祿大夫・司禮[02]監少監・右題點・演派伯[03]柱國・中階・武文程。爲[04]翊雲贊治功臣・司禮監掌[05]監兼各監司事・副將・少保・[06]峻郡公鄭欖類監司、侍隨[07]謙定府、應務日久。再隨征討[08]賊各處有功、應陞左題點[09]職、可爲特進金紫榮祿[10]大夫・司禮監僉太監・左[11]題點・演派伯・柱國・中秩。故[12]勅。[13]福泰五年九月初八日[勅命ノ之寶]<sup>18</sup>。

Đây là đạo sắc cho Vũ Văn Trinh thăng cấp đến Tư lễ giám Thiếu giám. Điểm đáng chú ý là: 1) thấy được tên Trịnh Lãm, 2) câu “đi theo Khiêm Định phủ làm việc lâu dài”. Khiêm Định phủ là phủ của Trịnh Tạc lập hai năm trước đây, đồng thời Trịnh Tạc tiến Khâm sai Tiết chế Các xứ thủy bộ chư dinh Chương quốc hành Tả tương Thái úy Tây quốc công xác lập vị trí Thế tử của Trịnh Tráng. Sau khi Trịnh Tùng trở thành Bình An vương và khai mở Vương phủ năm 1599, cơ cấu quan liêu của nhà Lê ngày càng yếu và chỉ có danh nghĩa, chúng ta đều biết. Thiết lập Lục phiên đầu thế kỷ XVIII đẩy mạnh xu hướng này. Trong tình hình này, hoạn quan nắm chặt tài chính với tư cách là quan chức của Lục phiên<sup>19</sup>. Đạo sắc này chứng tỏ hoạn quan làm việc cho phủ của vương tử, kiêm nhiệm chức vị. Mặc dầu chức năng và quyền hành cụ thể của phủ chưa rõ, những vương tộc chủ yếu là vương tử có phủ riêng và cạnh tranh nhau trong giai đoạn thế kỷ XVII<sup>20</sup>. Các hạ thần văn võ và hoạn quan cũng liên hệ với vương tử, khi vương tử mà họ ủng hộ thắng lợi thì họ tiến lên trong triều đình vì “công lao khi vua ở tiềm để 潛邸之功” .

Về điểm (1), chúng ta cần khảo sát hình thức. Công văn loại này có hình thức hầu hết giống nhau và chia một số bộ phận như:

A: Họ tên và quan chức, tước vị về trước.

(B': Họ tên của người môi giới)

B: Lý do thăng tiến

C: Quan chức, tước vị mới

D: Niên hiệu và con dấu 勅命之寶

Hình thức này hầu hết giống với trường hợp sắc phong cho thành hoàng. Trường hợp sắc để bổ nhiệm hoặc thăng tiến đôi khi được thấy B' đứng trước B. Nhân vật ở B' thường là đại thần như Trịnh Lâm ở trên hoặc người trong vương tộc. Ngoài ra có một tài liệu khác:

Bộ Lại (ban cấp giấy tờ này) vì nhận ơn mệnh. Ngày mồng ba, tháng năm, Vĩnh Tộ năm thứ 10 (1628), Phó quốc thuần tinh... Bùi Sỹ Lâm 裴仕林 kính vâng sắc chỉ cho Phạm Công Trứ, với Đệ tam giáp Đồng tiến sỹ xuất thân, thường tư tu...

(Thừa tướng Phạm công niên phả (ký hiệu Viện Hán Nôm: A.1368), phụ lục, Thừa tướng sắc văn các đạo, Ôn mệnh)

吏部爲恩命事。永祚十年五月初三日、輔國純信叶謀佐理翊運贊治功臣・司禮監總太監掌監兼各監司事・中軍都督府左都督・少傅・岳郡公裴仕林欽奉敕旨、準本部奉賜范公著第三甲同進士出身、賞四資、欽此。…（『丞相范公年譜』（漢文・チューノム研究院蔵A.1368）附録 丞相敕文各道 恩命）

Đây là giấy tờ xác nhận đỗ khoa cử, hơi khác đạo sắc của Vũ Văn Trinh, nhưng cùng là loại sắc để bổ nhiệm. Ở đây người môi giới là Bùi Sỹ Lâm. Ông là một hoạn quan có quyền hành rất lớn dưới Trịnh Tùng đầu thế kỷ XVII, cũng đóng vai trò quan trọng khi Trịnh Tráng kế thừa lên ngôi. Cùng với trường hợp sắc của Vũ Văn Trinh, sử liệu này chứng tỏ Bùi Sỹ Lâm tham dự nhân sự toàn diện kể cả quan liêu khoa cử.

Chúng ta cũng cần chú ý rằng, đây không có nghĩa là mọi lĩnh vực hoạt động của nhà nước đều bị hoạn quan chi phối. Thậm chí ngoại thương, chúng ta thấy được hoạt động của vương tử hoặc võ thân. Còn việc bang giao với Trung Quốc, tất cả sứ thần đều là văn thân.

### Kết luận

Bài viết này thử phác họa hoạt động và vị trí của hoạn quan, cụ thể hơn qua đối chiếu nguồn sử liệu nước ngoài và trong nước hoặc sử liệu được giữ gìn ở địa phương. Nói chung, quan chức kiêm nhiệm của hoạn quan hầu hết thuộc về ban võ, khi hoạn quan tham dự chính quyền địa phương thì thấy được nhiều chức Trấn thủ hay là Lưu thủ đều thuộc về ban võ<sup>21</sup>. Cho nên tính chất của hoạn quan có thể gần với võ thân hơn văn thân. Còn chúng ta rất dễ phê phán hoạn quan trên sử sách, nhưng xem cụ thể hơn hoạt động của hoạn quan qua bài này, khó tìm ra sự đối lập giữa văn thân nho sỹ và hoạn quan.

Nhà Minh ở Trung Quốc cũng nổi tiếng với nạn hoạn quan độc quyền trong một thời kỳ, đối lập giữa Nội đình và Ngoại triều thật ác liệt. Còn ở nhà Lê Trung hưng thì hoạn quan dường như là thành viên chính thức của Ngoại triều.

**Bảng 1: Quan viên người Việt Nam trong bức thư giữa Nhật Bản và Việt Nam**

Số	Năm	Quan chức và tước vị	Xuất xứ
1	1610	安南国老中軍都督府右都督兼知大医院掌院事舒郡公	外12
2	1610	安南国揚武威勇功臣錦衣衛署衛事駙馬都尉広富侯	外12
3	1610	安南国又安処総太監掌監事文理侯	外12
4	1611	安南国北軍都督華郡公	Fujita 2001
5	1612	安南国文理侯	Iwao1972
6	1612	安南布政右奇副將北軍都督府都督同知華郡公	Iwao1972
7	1616	安南布政右奇副將北軍都督府都督同知華郡公	外13
8	1619	安南国布政都堂右府華郡公	外13
9	1624	総鎮官又安処和義衛副將少保華郡公阮相公	外13、Iwao 1972
10	1625	安南国太監	図録
11	1632	安南国王府内監兼都察監総太監掌監事派郡公	外14

外：『外蕃通書』安南国書。

図録：Bảo tàng Yamato Bunkakan 2002

**Bảng 2: Quan chế hoạn quan trong luật pháp giữa thế kỷ XVII**

『官制例』		1658-a	1658-b	1660	1667
正三品	総太監	総太監		総太監	正三品
			掌監		
			参掌監		
			参知総太監		
従三品	都太監	都太監	都太監	都太監	従三品
				掌監	
正四品	太監	太監		太監	正四品
従四品	僉太監	僉太監	僉太監	僉太監	従四品

				参掌	
				参知	
正五品	同知	同知	同知	同知監	正五品
從五品	左右少監	左右少監	少監	左右少監	從五品
正六品	左右監丞	左右監丞	左右監丞	左右監丞	正六品
從六品	左右提點	左右提點	左右題點	左右題點	從六品
正七品	所属在内衙門司正・院正	司正使	司正		正七品
從七品	所属在内衙門司副・院副	司正副	司副		從七品
		奉御司副	奉御	奉御	
正八品	掌簿・宣達局局正	掌簿	掌簿	監簿	正八品
從八品	各寺觀司使・宣達局局副		承制		從八品

『官制例』： bộ phần Tư lễ giám của Hoàng triều quan chế đệ năm, Nội quan quan chế trong Hiệu định Lê triều quan chế lệ 校定黎朝官制例 (ký hiệu của Viện Hán Nôm: A.51).1658-ab : 閱選体式令『国朝詔例善政』卷二、戸属

1660 : 詳政目品條令『国朝詔令善政』卷三、礼属上

1667 : 旨准許内監各員饒蔭例『国朝詔例善政』卷一、吏属

### Văn Lý hầu Trần công bi

Số trong [] là số dòng. □ là chữ không rõ. Chữ trong dấu □ nghĩa là chữ được tác giả khôi phục lại. Chữ có dấu [?] là vẫn còn nghi ngờ về nhận dạng. Minh từ dòng thứ mười sáu đến dòng thứ mười chín, giữa các câu bốn chữ có chỗ để trống tương đương bốn chữ nhưng tác giả lược hết ở đây. Các dòng từ dòng thứ tư đến dòng thứ mười và dòng thứ hai mươi dài đầu một chữ.

[01]特賜中興協謀佐理功臣・特進金紫榮祿大夫・總太監・掌宮門承制事・文理侯陳公碑。文理侯羅山[02]月澳密村貴人也。姓陳名靖、善積于家德、顯以世自高。會至祖考積累有、因和宗族宜、其兄弟友愛[03]尤篤。公蚤承家、少而獨学。義理精通、行實純謹。鄉閭之人皆期必大用也。屬時[04]聖主興于西土、功成坤三。久從主事<sup>?</sup>。忠勤匪懈、宿□有功。[05]正治六年、祇受掌簿・文理子。出入<sup>?</sup>禁闈、在<sup>?</sup>加恭愼。[06]光興五年、榮陞奉御承制。在内傳<sup>?</sup>命、盡忠事君。[07]光興十七年秋、加特進金紫榮祿大夫・參知・文理伯。以身許國、從軍有功。奉侍王府、堅守臣節。[08]弘定二年、以堅義從王、超遷參掌、榮封協謀佐理功臣。[09]弘定五年、加受總太監掌宮門承制、進封文理侯。爵愈尊而愈謙、祿益厚而



益謹。極內監之寵、司內府之事。

[10]主上器其賢、同僚讓其能。諸營奇將士亦聞其稱實之名、同鄉貫旄倪均蒙其惠人之澤。以有餘之福德留與子姓、以有[11]餘之錢財資爲功德。一心奉佛、舍利施田。嘉興寺施田參畝・真福寺施田貳畝、以田爲三寶之田、供十之方之佛、將見佛度有[12]緣。志在愛人布恩、厚賜本社密村與田七畝・楸村與田七畝・誨村與田六畝・瑤作村與田拾貳畝・阮舍村與田六畝・□爲布村[13]與田拾貳畝。付此田與六村之田、使欲人情思<sup>?</sup>義。楊名後世益顯、流傳萬古亨通。寶貨用之有盡、忠孝享之無窮。有田天錫厚[14]福、名書於丹臺・玉室之中、壽等於琴子・屋佺之上。心々願々總圓成、世々生々常快樂。後之人、求公之事跡[15]於千百載之下、頌公之功德於千萬古之稱、必於此貞珉見而知之。又因而爲之銘曰[16]羅山豪宗、月澳望族、喜陳鉅公、大人格局、遇聖遭明[17]居官食祿、□在王家、意游竺國、舍利施田、奉佛求福、[18]有聖尊扶、受天祐駕、身躬康強、壽年永卜、慶衍河沙、[19]名登仙錄、大功德圓、鐫于珉玉

旨[20]皇朝弘定萬萬年之七、仲春月穀日。◇賜庚辰科正進士出身・竭節宣力功臣・奉往北使・特進金紫榮祿大夫・戸部尚書兼國子監祭酒・梅嶺侯・上柱國[21]馮克寬毅齋撰。[22] (chỗ để trống khoảng 35 chữ) 丞司勾稽阮廷質 奉寫。

## CHÚ THÍCH

- 1 Cuối thời Đường ở Trung Quốc, họ quan đã thử thiết lập căn cứ của họ trong lĩnh vực quan niệm và nghi lễ để cấu kết với một số nhà sư [Nakata 2006].
- 2 Nagazumi, Yoko 永積洋子 著 (dịch). 1969 : 『平戸オランダ商館の日記』第3輯、岩波書店。(Nhật ký thương quán Hà Lan tại Hirado, quyển thứ ba. Nhà sách Iwanami), tr.14.
- 3 Trần 1986 – 1988: 845] Trong TT-A4 thì Hưng quận công. Về TT-A4 và TT-NVH thì xin xem [Hasuda 2003].
- 4 AVH&PACHHP=Association of Vietnamese Historians and People's Administrative Committee of Hai Hung Province. 1994: *Pho Hien: the Center of International Commerce in the XVIIth – XVIIIth centuries*. Hanoi: The Gioi publishers.
- 5 Chúng ta có nhiều công trình nghiên cứu về lịch sử ngoại thương Việt Nam [Thành Thế Vỹ, *Ngoại thương Việt Nam hồi thế kỷ XVII, XVIII và đầu XIX*, NXB Sử học; AVH&PACHHP, sdd, 1994], *Lịch sử ngoại giao Nhật – Việt và lịch sử mậu dịch Châu Ấn thuyền* [Kin, Eiken 金永鍵, : 『印度支那と日本との関係』富山房。(Mối quan hệ giữa Đông Dương và Nhật Bản, NXB Fuzanbou, 1943), Iwao, Seiichi, : 岩生成, : 「安南国渡海朝鮮人趙完璧について」『朝鮮 学報』 6pp.1–12 (Triều Hoàn Bích, một người Triều Tiên đến Việt Nam, Học báo Triều Tiên, số 6, 1944); Iwao, Seiichi, : 岩生成, : 『新版 朱印船貿易史の研究』吉川弘文館。(Nghiên cứu lịch sử mậu dịch Châu Ấn thuyền, bản mới. Yoshikawa Kobunkan, 1985); Nagazumi, Yoko 永積洋子, : 『朱印船』吉川弘文館。(Châu Ấn thuyền, 2001)], *Lịch sử ngoại giao Việt Nam và Hà Lan* thì [Buch, W.J., *La Compagnie des Indes Néerlandaises et l'Indochine*. BEFEO t. 36, pp. 97 – 196/ t.37, 1937–38, pp. 121 – 237; Nagazumi, Yoko 永積洋子, : 「17世紀中期の日本・トンキン貿易について」『城西大学大学院研究年報』8, pp. 21 – 46。(Về ngoại thương Nhật Bản – Đàng Ngoài giữa thế kỷ 17. Niên báo nghiên cứu cao học, Đại học Josai. 8, 1992); Kato, Eiichi 加藤, 「十七世紀中葉連合東インド会社の対日交渉と情報伝達網 [第二部] ——ヤハト船り

- ロ号の東京航海をめぐる——」『東大史料編纂所紀要』3、pp. 1 – 21。 (Sự đàm phán với Nhật Bản của Công ty Ấn Độ Hà Lan và lưới chuyển thông tin trong giữa thế kỷ 17. Kỳ yếu nghiên cứu Viện biên soạn sử liệu, ĐHTH Tokyo, số 3, 1993)], về lịch sử truyền đạo Thiên Chúa giáo [Gonoi, Takashi 五野井隆史, 「イエズス会日本管区によるトンキン布教の始まり」『史学』60 – 4、pp. 91 – 113。 (Sự bắt đầu truyền giáo Đàng ngoài của Dòng Tên khu Nhật Bản, tạp chí *Shigaku*, số 60 – 4, 1991). Gonoi, Takashi 五野井隆史., 「一六二六年、日本イエズス会士のトンキン報告書」『東京大学史料編纂所 研究紀要』3、pp. 125 – 139。 (Báo cáo của hội sỹ Dòng Tên khu Nhật Bản, năm 1626. Kỳ yếu nghiên cứu Viện biên soạn sử liệu, Đại học Tổng hợp Tokyo, số 3, 1993). Gonoi, Takashi 五野井隆史, イエズス会非会員のコングレガサンと階層化——日本の同宿と トンキンのカテキスタの関わり ——』『史学雑誌』103–3 (Congregao của phi hội viện Dòng Tên và tầng lớp hoá – mối quan hệ giữa Doushuku ở Nhật Bản và catechista (truyền đạo sỹ) ở Đàng Ngoài – *Shigaku Zasshi*, số 103–3, 1994); Nguyễn Văn Kiêm, *Sự du nhập của đạo Thiên Chúa giáo vào Việt Nam từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX*, Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, Trung tâm UNESCO bảo tồn và phát triển văn hoá dân tộc Việt Nam, Hà Nội, 2001].
6. Chữ “Thức 職” không phải là tên riêng mà là một từ xưng hô của quan lại.
  7. Hayashiya Tatsusaburo 林屋辰三郎., : 『角倉了以とその子』星野書店。 (Suminokura Ryoi và đứa trẻ đó. Nhà sách Hoshino, 1944, tr.73 – 74.)
  8. Bảng này không suu tầm tất cả người Việt Nam có liên quan đến ngoại thương Nhật – Việt, cho nên một số người như chúa Trịnh bị lược. Còn xuất xứ cũng không được hoàn chỉnh, ví dụ hầu hết bức thư trong Gaiban Tsusho cũng được tìm ra trong Ikoku Nikki 異国日記. Những người muốn nghiên cứu từ góc độ văn bản học phải xem Ikoku Nikki vì cuốn này là một trong những tài liệu của Gaiban Tsusho.
  9. Thư quận công cũng ở số 1, Quảng Phú hầu là người trong số 2. Theo điều mùa Thu, tháng tám nhuận, năm Ất Mão (Hoàng Định) thứ 16 (1615) trong TT [Trần 1986–88: 930] (TT–NVH thì tháng 9), Thư quận công là Nguyễn Cảnh Kiến, một võ thần có thể lược, quê tại huyện Nam Đường ở Nghệ An. Còn theo Hoan Châu ký, Quảng Phú hầu tên là Nguyễn Cảnh Hà, con thứ hai của Nguyễn Cảnh Kiến, con rể của Bình An Vương Trịnh Tùng [Trần Khánh Hạo et. al. 1992: 187 – 188, 264 – 265].
  10. Iwao, Seiichi, : 岩生成, : 「安南国渡海朝鮮人趙完璧について」『朝鮮学報』6、pp. 1 – 12。 (Triệu Hoàn Bích, một người Triều Tiên đến Việt Nam. Học báo Triều Tiên, số 6, 1944, tr.10).
  11. Kin, Eiken 金永鍵, : 『印度支那と日本との関係』富山房。 (Mối quan hệ giữa Đông Dương và Nhật Bản. NXB Fuzanbou, 1943, tr.235 – 242); Trần Lê Sáng, *Phùng Khắc Khoan, Cuộc đời và thơ văn*, NXB Hà Nội, 1985, tr.126 – 129.
  12. Các trấn tổng xã danh bị lãm ghi xã Nguyệt Âu thuộc tổng Lai Thạch, huyện La Sơn, phủ Đức Quang, trấn Nghệ An, còn Đồng Khánh ngụ lâm địa dư chú ghi xã này thuộc tổng Lai Thạch, huyện La Sơn, phủ Đức Thọ, tỉnh Nghệ An. Mặc dù tác giả vẫn chưa xác định được chính xác vị trí ngày nay của xã Nguyệt Âu, nhưng chắc không xa xã Thường Nga, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh hiện nay.
  13. Chắc vì kiêng huý dân gian [Ngô Đức Thọ, 1997: 82, 96].
  14. Điều mùa Hè, tháng tư, Quý Hợi Chính Trị năm thứ 6, quyển, 18 của TT–A4.
  15. Phạm Thị Thuỳ Vinh, *Văn bia thời Lê xứ Kinh Bắc và sự phản ánh sinh hoạt làng xã*, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2003, tr.588 – 623.
  16. Taylor, Keith W, *The Literati Revival in Seventeenth-century Vietnam*. JSEAS 18 (1), 1987, pp. 9 – 10.
  17. Hiện nay, đạo sắc này được giữ gìn bởi họ Vũ Công tại làng An Hưng, xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Đoạn chúng tôi được phép chụp ảnh ngày 26 – 8 – 2003. Chúng tôi

xin chân thành cảm ơn các thành viên họ Vũ Công và các cán bộ địa phương và Đại học Quốc gia Hà Nội đã nhiệt tình giúp đỡ.

<sup>18</sup> Dòng thứ nhất, bảy và mười ba dài đầu một chữ.

<sup>19</sup> Wada, Masahiko, : 和田正彦, : 「ヴェトナム黎末阮初の宦官について」 『慶応大学言語文化研究所紀要』 10 (*Về hoạn quan thời Lê mạt và đầu triều Nguyễn ở Việt Nam. Kỷ yếu của Viện Nghiên cứu Văn hoá Ngôn ngữ, Đại học Keio, số 10, 1978, tr.27 – 28*).

<sup>20</sup> Tuy vậy, những đại thần họ khác đôi khi cũng mở phủ riêng, đặc biệt là vào đầu thế kỷ XVII.

<sup>21</sup> Wada, Masahiko, *Về hoạn quan thời Lê mạt và đầu triều Nguyễn ở Việt Nam. Kỷ yếu của Viện Nghiên cứu Văn hoá Ngôn ngữ, sđd, tr.24 – 28*.